

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2023
V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Xuân Dũng;

Ông Lê Minh Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 541/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 661/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 2001 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực N1, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái L trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Nguyễn Thành T tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng ba năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 4 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha chồng ở khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vợ chồng chung sống được khoảng hai tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T đi ăn nhậu rồi về nhà vô cớ chửi mắng và đánh chị. Anh T làm nghề thợ xây nhưng thường nghỉ làm. Cha anh T cũng thường xuyên khuyên nhưng anh T vẫn không sửa đổi tính tình. Tháng 7 năm 2021 thì vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Chị mới sinh con và nuôi con nhỏ nên phải ở nhà. Trong khi đó, anh T không lo đi làm để trang trải cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn tiếp diễn đến tháng 10 năm 2022 thì chị đưa con về nhà cha mẹ ruột của chị ở cho đến nay. Từ khi không còn sống chung, anh T không lần nào đến thăm con và tự cắt liên lạc với chị. Chị xác định không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2021, hiện con đang ở với chị. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị làm công nhân may, thu nhập hàng tháng của chị đủ để nuôi con.

Chị không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ái L đối với anh Nguyễn Thành T. Đề nghị giao người con chung tên Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2021 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu T1 chưa đủ 36 tháng tuổi và đang ở với chị L. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Không xem xét, giải quyết về tài

sản chung và nợ chung vì đương sự không yêu cầu. Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Ái L yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Thành T có địa chỉ cư trú tại khu vực N1, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thành T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong các giai đoạn tố tụng của vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Thành T. Tuy nhiên, anh T không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Chị L và anh T đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 4 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường N nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Chị L xác định vợ chồng không còn sống chung với nhau phù hợp với lời khai của người làm chứng trong vụ án. Hơn nữa, sau khi Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án chứng tỏ anh T không tha thiết hàn gắn tình cảm để xây dựng lại mái ấm gia đình. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị L và anh T có một người con chung tên Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2021, đang ở với chị L và chưa đủ 36 tháng tuổi nên yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị L là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005590 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ái L đối với anh Nguyễn Thành T.

2. Giao người con chung tên Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2021 cho chị Nguyễn Thị Ái L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì chị L không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ái L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005590 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị Nguyễn Thị Ái L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường N;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh